TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách
Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2019/TLST-HN&GĐ ngày 23/5/2019 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HN ngày 05/8/2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989 (có mặt)
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh M tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B (nay là huyện P) ngày 19/3/2012, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong đời sống hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm lo lắng cho cho nhau, hiện tại hai bên đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th đề nghị Tòa án được ly hôn với anh M.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, chị Th và anh M có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoài Hồng Q, sinh ngày 01/01/2009, cháu Nguyễn Thị Như Q sinh ngày 16/8/2013, cháu Nguyễn Minh H sinh ngày

08/3/2015. Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cho chị Th được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H; còn cháu Nguyễn Hoài Hồng Q và Nguyễn Thị Như Q thì giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đến ngày 27/6/2019, chị Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Khi ly hôn các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh Minh vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M cùng trú tại Thôn 9, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th, anh M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B (nay là huyện P) ngày 19/3/2012. Như vậy hôn nhân giữa Chị Th và anh M là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân

gia đình.

- *Về mâu thuẫn gia đình:*

Chị Th cho rằng trong đời sống hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cải vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm lo lắng cho nhau, hiện tại đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th đề nghị được ly hôn với anh M.

Mặc dù, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn M không có ý kiến trình bày về tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Th, kết quả xác minh tại địa phương có cơ sở xác định, đời sống hôn nhân của chị Th, anh M có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn là trầm trọng, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, không còn thương yêu lẫn nhau, cả chị Th, anh M đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; chị Th, anh M hiện đã sống ly thân. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh M là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Theo đơn khởi kiện, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cho chị Th được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H; còn cháu Nguyễn Hoài Hồng Q và Nguyễn Thị Như Q thì giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, đến ngày 27/6/2019, chị Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc chị Th rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết về phần này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 027060, quyển số 0542, ngày 23/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Tấn Trường